

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2017**



10/11
CỔ
M
M
T
H

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ Công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

MỤC LỤC**NỘI DUNG****TRANG**

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 42

0100
CÔ
HÁCH N
DE
VIỆ
NG Đ

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ Công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Bắc (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Hồ Huy	Chủ tịch	
Ông Hồ Quốc Phi	Thành viên	
Ông Ngô Hữu Hùng	Thành viên	
Ông Huỳnh Kim Ngọc	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2017)
Ông Hà Đăng Luyện	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2017)
Ông Hồ Chương	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2017)
Bà Đoàn Bích Hạnh	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 16 tháng 4 năm 2017)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Hồ Quốc Phi	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Mai Lâm	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Ngọc Hưng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Công Hùng	Phó Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 14 tháng 01 năm 2017)
Ông Vũ Hoài Đức	Phó Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 11 tháng 7 năm 2017)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ Công nghiệp và Công nghiệp nhỏ,
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

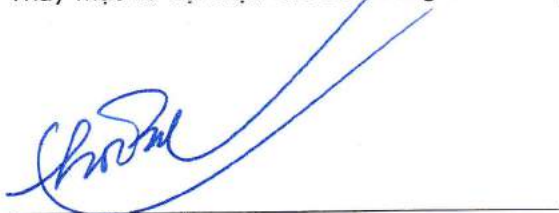
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Hồ Quốc Phi
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 09 tháng 4 năm 2018

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Hội đồng Quản trị phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo. Báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng Quản trị,



Hồ Huy
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Đại diện theo Pháp luật

Hà Nội, ngày 09 tháng 4 năm 2018

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Bắc

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Bắc (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 09 tháng 4 năm 2018, từ trang 05 đến trang 42, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như trình bày tại Thuyết minh số 15 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty trình bày giá trị khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên (Công ty liên kết của Công ty) với số tiền 38.511.628.581 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 38.511.628.581 VND) trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư với số tiền là 40.488.371.419 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 40.488.371.419 VND). Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về giá trị của khoản đầu tư của Công ty vào Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 vì chúng tôi chưa thu thập được Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên cũng như không thể thực hiện được các thủ tục thay thế cần thiết. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Ltd. một công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và mạng lưới các hãng thành viên - mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Deloitte Touche Tohmatsu Ltd. (hay "Deloitte Toàn cầu") không cung cấp dịch vụ cho các khách hàng. Vui lòng xem tại website www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết về cơ cấu pháp lý của Deloitte Touche Tohmatsu Ltd. và các hãng thành viên.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (Tiếp theo)

Như trình bày tại Thuyết minh số 8 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có khoản phải thu khác Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh với số tiền là 279.061.522.437 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 333.124.084.880 VND). Ban Tổng Giám đốc chưa thực hiện đánh giá khả năng thu hồi công nợ đối với khoản phải thu khác nêu trên và chúng tôi cũng không thể thực hiện được các thủ tục thay thế để đánh giá khả năng thu hồi của các khoản phải thu này. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải trích lập dự phòng phải thu khó đòi hay điều chỉnh các khoản mục có liên quan hay không.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các ảnh hưởng có thể có của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Đặng Chí Dũng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0030-2018-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 09 tháng 4 năm 2018

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Tiến Quốc

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3008-2014-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		709.664.006.512	619.945.242.713
I. Tiền	110		16.835.789.508	16.591.535.553
1. Tiền	111	4	16.835.789.508	16.591.535.553
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		738.438.370	695.461.752
1. Chứng khoán kinh doanh	121	5	346.000.000	346.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	5	(304.000.000)	(304.000.000)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	696.438.370	653.461.752
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		673.420.365.494	571.823.832.747
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	96.176.397.420	70.428.614.089
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		6.462.747.758	7.235.758.340
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7	9.800.000.000	14.650.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	600.074.826.927	520.645.953.437
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(39.093.606.611)	(41.136.493.119)
IV. Hàng tồn kho	140	10	7.113.459.329	8.017.054.971
1. Hàng tồn kho	141		7.253.033.466	8.156.629.108
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(139.574.137)	(139.574.137)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		11.555.953.811	22.817.357.690
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	10.782.347.308	15.112.824.178
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		726.064.664	6.713.433.938
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18	47.541.839	991.099.574

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.289.344.914.344	1.685.844.343.132
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		117.924.096.097	77.543.127.734
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	7	53.103.000.000	53.103.000.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	8	64.821.096.097	24.440.127.734
II. Tài sản cố định	220		934.716.665.638	1.312.435.268.146
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	914.381.962.807	1.294.460.165.019
- Nguyên giá	222		1.896.474.880.831	2.343.509.153.983
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(982.092.918.024)	(1.049.048.988.964)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	13	20.334.702.831	17.439.233.058
- Nguyên giá	225		25.707.030.894	18.718.318.170
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(5.372.328.063)	(1.279.085.112)
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	535.870.069
- Nguyên giá	228		78.897.000	750.483.552
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(78.897.000)	(214.613.483)
III. Bất động sản đầu tư	230	14	170.502.084.047	174.515.456.871
- Nguyên giá	231		198.313.019.200	198.313.019.200
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(27.810.935.153)	(23.797.562.329)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		108.740.000	25.801.616.825
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		108.740.000	25.801.616.825
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		40.431.628.581	57.057.628.581
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	15	38.511.628.581	38.511.628.581
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5	1.920.000.000	18.546.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		25.661.699.981	38.491.244.975
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	22.219.824.583	30.504.497.812
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		2.818.548.849	2.704.206.987
3. Lợi thế thương mại	269	16	623.326.549	5.282.540.176
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.999.008.920.856	2.305.789.585.845

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.432.612.506.440	1.748.684.904.488
I. Nợ ngắn hạn	310		462.051.011.476	515.338.008.265
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	46.342.170.560	54.077.261.800
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.536.202.260	1.685.276.735
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	24.204.451.803	17.614.984.798
4. Phải trả người lao động	314		23.058.708.397	24.895.972.729
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	10.028.913.268	11.903.230.613
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		853.375.408	427.436.559
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	151.960.648.781	137.974.164.847
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	201.109.421.204	261.869.095.633
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.957.119.795	4.890.584.551
II. Nợ dài hạn	330		970.561.494.964	1.233.346.896.223
1. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	360.000.000
2. Chi phí phải trả dài hạn	333	19	-	338.191.477
3. Phải trả dài hạn khác	337	20	819.779.370.372	902.427.167.476
4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	22	150.782.124.592	330.221.537.270
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		566.396.414.416	557.104.681.357
I. Vốn chủ sở hữu	410	23	566.396.414.416	557.104.681.357
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		486.253.320.000	486.253.320.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		486.253.320.000	486.253.320.000
2. Cổ phiếu quỹ	415		(12.600.000.000)	(12.600.000.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		41.663.844.982	32.477.676.161
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		33.452.889.213	40.964.149.599
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(6.107.662.309)	17.726.699.623
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		39.560.551.522	23.237.449.976
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		17.626.360.221	10.009.535.597
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.999.008.920.856	2.305.789.585.845

Nguyễn Thị Thủy
Người lập biểu

Nguyễn Thị Trường Anh
Kế toán trưởng



Hà Quốc Phi
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 09 tháng 4 năm 2018

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ công nghiệp và
Công nghiệp nhỏ, Phường Dịch Vọng Hậu,
Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

MÃ SỐ B 02-DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	1.038.985.309.458	1.119.972.519.933
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		1.038.985.309.458	1.119.972.519.933
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	26	914.458.489.663	1.012.814.173.822
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		124.526.819.795	107.158.346.111
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	15.223.698.348	17.384.719.556
6. Chi phí tài chính	22	29	52.230.699.862	57.970.130.433
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		46.694.459.172	57.932.838.525
7. Chi phí bán hàng	25	30	50.384.107.834	21.089.875.674
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	90.909.702.421	90.046.246.051
9. (Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		(53.773.991.974)	(44.563.186.491)
10. Thu nhập khác	31	32	115.593.647.634	85.580.208.904
11. Chi phí khác	32	33	8.544.892.433	7.044.628.757
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		107.048.755.201	78.535.580.147
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		53.274.763.227	33.972.393.656
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	34	12.183.696.598	9.526.039.926
15. (Thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	34	(114.341.861)	(890.040.242)
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		41.205.408.490	25.336.393.972
16.1 Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		39.560.551.522	23.237.449.976
16.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		1.644.856.968	2.098.943.996
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	35	742	436


Nguyễn Thị Thủy
Người lập biểu


Nguyễn Thị Trường Anh
Kế toán trưởng


Hồ Quốc Phi
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 09 tháng 4 năm 2018

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	53.274.763.227	33.972.393.656
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	301.007.578.812	351.799.787.110
Các khoản dự phòng	03	(2.042.886.508)	107.790.759
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(36.205.016.254)	(36.485.761.576)
Chi phí lãi vay	06	46.694.459.172	57.932.838.525
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	362.728.898.449	407.327.048.474
Thay đổi các khoản phải thu	09	121.698.559.548	45.872.192.382
Thay đổi hàng tồn kho	10	903.595.642	637.325.077
Thay đổi các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(142.409.068.429)	(50.329.277.998)
Thay đổi chi phí trả trước	12	12.615.150.099	6.237.140.788
Tiền lãi vay đã trả	14	(47.871.260.081)	(56.769.149.434)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(12.340.278.413)	(8.464.123.541)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	5.728.986.658	134.884.216
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	(4.843.249.234)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	301.054.583.473	339.802.790.730
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(134.446.281.657)	(427.168.971.568)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	70.339.618.672	94.976.003.717
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(42.976.618)	(37.422.557)
4. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	19.899.410.241	-
5. Thu lãi tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.095.675.911	4.478.834.681
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(41.154.553.451)	(327.751.555.727)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	52.869.836.567	398.163.297.948
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(289.200.223.658)	(396.743.208.630)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(3.868.700.016)	(8.674.166.642)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(19.456.688.960)	(9.975.647.766)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(259.655.776.067)	(17.229.725.090)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	244.253.955	(5.178.490.087)
Tiền đầu năm	60	16.591.535.553	21.770.025.640
Tiền cuối năm (70=50+60)	70	16.835.789.508	16.591.535.553


 Nguyễn Thị Thủy
 Người lập biểu


 Nguyễn Thị Trường Anh
 Kế toán trưởng


 Hồ Quốc Phi
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 09 tháng 4 năm 2018

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC

Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ công nghiệp và
Công nghiệp nhỏ, Phường Dịch Vọng Hậu,
Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Bắc (gọi tắt là "Công ty") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức công ty cổ phần, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103000336 ngày 14 tháng 5 năm 2001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp và các giấy chứng nhận điều chỉnh. Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 12 ngày 28 tháng 4 năm 2014 là 486.253.320.000 VND.

Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Bắc là công ty đại chúng.

Tổng số nhân viên của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 3.707 (31 tháng 12 năm 2016: 6.919).

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Lô C2C, Cụm Sản xuất Tiểu thủ công nghiệp và Công nghiệp nhỏ, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ vận tải. Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác;
- Vận tải hành khách bằng đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Quảng cáo;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp;
- Hoạt động bảo tồn, bảo tàng;
- Hoạt động đại lý và môi giới bảo hiểm;
- Giáo dục khác;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao);
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm;
- Hoạt động viễn thông khác;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Đại lý du lịch;
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ trở xuống);
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Trồng cây cao su;
- Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh;
- Bán buôn, chuyên doanh khác;
- Khai thác gỗ;
- Khai thác lâm sản khác trừ gỗ.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm hoạt động có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

- Theo Quyết định số 08/2017/QĐ-HĐQT.MLMB ngày 12 tháng 4 năm 2017 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Bắc, Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Bắc đã chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp thuộc sở hữu của Công ty tại Công ty TNHH Mai Linh Nghệ An cho ông Hồ Huy, ông Hồ Chương và ông Hồ Đình Việt với tổng giá trị chuyển nhượng là 30.530.000.000 VND. Theo đó, Công ty không hợp nhất báo cáo tài chính của Công ty TNHH Mai Linh Nghệ An trong báo cáo tài chính hợp nhất này.
- Theo Nghị quyết số 149/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 9 năm 2017 của Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Mai Linh Hạ Long, Công ty Cổ phần Mai Linh Hạ Long thực hiện tách Công ty để thành lập công ty mới là Công ty Cổ phần Mai Linh Quảng Ninh. Theo đó, Công ty Cổ phần Mai Linh Quảng Ninh sẽ tiếp nhận toàn bộ tài sản, xe ô tô, công cụ, dụng cụ và công nợ (trừ mảnh đất tại thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh) từ Công ty Cổ phần Mai Linh Hạ Long. Đồng thời, Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Bắc sẽ sở hữu 112.000 cổ phần (tương ứng 74,67%) tại Công ty Cổ phần Mai Linh Quảng Ninh và 0 cổ phần (tương ứng 0%) tại Công ty Cổ phần Mai Linh Hạ Long. Theo đó, Công ty không hợp nhất báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Mai Linh Hạ Long và hợp nhất báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Mai Linh Quảng Ninh trong báo cáo tài chính hợp nhất này.
- Theo Quyết định số 151/2017/QĐ-HĐQT ngày 08 tháng 11 năm 2017 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Bắc, Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Bắc đã chuyển nhượng một phần vốn góp thuộc sở hữu của Công ty tại Công ty TNHH Mai Linh Thanh Hóa cho ông Hồ Huy, ông Hồ Hữu Thiết, bà Hồ Thị Đoan và ông Hồ Trang với tổng giá trị chuyển nhượng là 7.253.000.000 VND. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty TNHH Mai Linh Thanh Hóa sẽ giảm từ 95,9% xuống 70% kể từ ngày này.

Cấu trúc doanh nghiệp

Các chi nhánh trực thuộc Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017 bao gồm:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh Đông Bắc Bộ tại số 1026 Tạ Quang Bửu, Phường 6, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Bắc tại số 192 Huỳnh Tấn Phát, Phường Tân Nhượng Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bắc Giang	Tỉnh Bắc Giang	100%	100%	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bắc Ninh	Tỉnh Bắc Ninh	100%	100%	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hải Dương	Tỉnh Hải Dương	100%	100%	Dịch vụ taxi
Công ty Cổ phần Mai Linh Quảng Ninh	Tỉnh Quảng Ninh	75%	75%	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hà Nam	Tỉnh Hà Nam	100%	100%	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hải Phòng	Tỉnh Hải Phòng	100%	100%	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hà Tĩnh	Tỉnh Hà Tĩnh	100%	100%	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hưng Yên	Tỉnh Hưng Yên	100%	100%	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Ninh Bình	Tỉnh Ninh Bình	100%	100%	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Nam Định	Tỉnh Nam Định	100%	100%	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Phú Thọ	Tỉnh Phú Thọ	100%	100%	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Thái Bình	Tỉnh Thái Bình	100%	100%	Dịch vụ taxi
Công ty Cổ phần Mai Linh Thủ Đô	Thành phố Hà Nội	87%	87%	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH Mai Linh Thanh Hóa	Tỉnh Thanh Hóa	70%	70%	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Thái Nguyên	Tỉnh Thái Nguyên	100%	100%	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Vĩnh Phúc	Tỉnh Vĩnh Phúc	100%	100%	Dịch vụ taxi

Thông tin chi tiết về công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên	Tỉnh Khánh Hòa	29,48%	36,37%	Dịch vụ taxi

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước, xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Năm nay (Số năm)
Nhà cửa và vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc và thiết bị	03 - 05
Phương tiện vận tải	06 - 09
Xe hợp tác kinh doanh	06 - 09
Thiết bị văn phòng	03 - 05
Tài sản cố định hữu hình khác	03 - 05

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty.

	Năm nay (Số năm)
Phương tiện vận tải	06 - 09

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính phục vụ công tác quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Các phần mềm máy tính được khấu hao theo thời gian hữu dụng ước tính từ 3 - 10 năm theo phương pháp đường thẳng.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại số 1026 Tạ Quang Bửu, phường 6, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh và lô đất tại phường An Lạc, quận Tân Bình do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 50 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản đi vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước trả trước

Chi phí trả trước dài hạn chủ yếu bao gồm chi phí thuê nhãn hiệu, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định, chi phí bảo hiểm và các chi phí trả trước dài hạn khác.

Chi phí thuê nhãn hiệu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh trong 15 năm với tổng số tiền 51.636.363.636 VND. Chi phí thuê nhãn hiệu trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trên thời gian phân bổ từ 02 - 03 năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận các khoản lãi.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận. Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định không ghi nhận tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại đối với các khoản lỗ phát sinh lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 do khả năng có lãi trong các năm tiếp theo để bù đắp là không chắc chắn.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	1.779.603.423	1.542.860.175
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	15.056.186.085	15.048.675.378
	16.835.789.508	16.591.535.553

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
a. Chứng khoán kinh doanh	346.000.000	(304.000.000)	346.000.000	(304.000.000)
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	346.000.000	(304.000.000)	346.000.000	(304.000.000)
b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	696.438.370	-	653.461.752	-
Ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn	696.438.370	-	653.461.752	-
c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	1.920.000.000	-	18.546.000.000	-
Công ty Cổ phần Mai Linh Đông Đô	-	-	16.626.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Đô Thị Mai Linh Thăng Long (*)	1.920.000.000	-	1.920.000.000	-

(*) Tại ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chưa thu thập được báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Đầu tư Đô Thị Mai Linh Thăng Long cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017. Do đó, Công ty chưa xác định được có cần thiết phải thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn cho khoản đầu tư nêu trên hay không.

Theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư trên tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này do các đơn vị nhận đầu tư chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán làm cơ sở đánh giá nên giá trị hợp lý của các khoản đầu tư trên tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Các giao dịch, số dư trọng yếu giữa Công ty và các bên liên quan trong năm được trình bày tại Thuyết minh số 36 - Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh	20.718.602.255	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ và Địa ốc Interland	2.803.811.513	2.803.811.513
Các khách hàng khác	72.653.983.652	67.624.802.576
	96.176.397.420	70.428.614.089
Trong đó		
Phải thu khách hàng là các bên liên quan	20.718.602.255	-
(Chi tiết được trình bày tại Thuyết minh số 36)		

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Cho vay ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh	150.000.000	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Nam	3.150.000.000	3.150.000.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hồ Huy	3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải Tốc hành Mai Linh	3.500.000.000	3.500.000.000
	9.800.000.000	14.650.000.000
b. Cho vay dài hạn		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh	48.215.000.000	48.215.000.000
Vay cá nhân dài hạn	4.888.000.000	4.888.000.000
	53.103.000.000	53.103.000.000
Trong đó		
Các khoản phải thu về cho vay các bên liên quan (Thuyết minh số 36)	58.015.000.000	62.865.000.000

8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
- Phải thu các đơn vị trong cùng Tập đoàn Mai Linh (i)	438.928.233.852	398.976.134.054
- Phải thu trả góp xe hợp tác kinh doanh (ii)	53.606.121.333	85.681.952.559
- Phải thu người lao động (iii)	7.757.876.797	8.525.054.684
- Tạm ứng	1.843.222.298	4.303.735.757
- Ông Hồ Chương (iv)	40.800.000.000	-
- Ông Hồ Huy (iv)	7.493.000.000	-
- Ông Hồ Đình Việt (iv)	3.200.000.000	-
- Ký cược, ký quỹ	-	617.087.400
- Phải thu khác	46.446.372.647	22.541.988.983
	600.074.826.927	520.645.953.437
b. Dài hạn		
- Phải thu người lao động	2.500.000.000	2.500.000.000
- Phải thu trả góp xe hợp tác kinh doanh (ii)	53.460.789.919	11.707.632.008
- Ký cược, ký quỹ	8.602.922.858	10.232.495.726
- Khác	257.383.320	-
	64.821.096.097	24.440.127.734
Trong đó		
Các khoản phải thu khác là các bên liên quan (Thuyết minh số 36)	487.221.233.852	398.976.134.054

- (i) Số phải thu các công ty trong cùng Tập đoàn Mai Linh chủ yếu liên quan đến nghiệp vụ các đơn vị nhờ thu hộ tiền thẻ taxi MCC và các nghiệp vụ mua bán tài sản cố định, vật tư, sửa chữa.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Ban Tổng Giám đốc chưa thực hiện đánh giá khả năng thu hồi công nợ đối với khoản phải thu Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh với số tiền là 279.061.522.437 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 333.124.084.880 VND). Do đó, Công ty chưa xác định được giá trị cần trích lập dự phòng nếu có cho khoản phải thu này.

- (ii) Phản ánh số tiền phải thu chủ đầu tư hợp đồng hợp tác kinh doanh trong thời hạn từ 01 năm trở lên.
- (iii) Phản ánh số phải thu cước taxi và các khoản phải thu khác từ người lao động.
- (iv) Phản ánh số tiền phải thu về việc chuyển nhượng vốn góp tại Công ty TNHH Mai Linh Nghệ An, Công ty TNHH Mai Linh Thanh Hóa và Công ty Cổ phần Mai Linh Đông Đô.

9. NỢ XẤU

Đối tượng	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Phải thu, cho vay khó có khả năng thu hồi				
Công ty Cổ phần Vận tải Tắc hành Mai Linh	21.439.108.556	563.559.147	21.445.308.556	569.759.147
- Chưa quá hạn hoặc quá hạn dưới 6 tháng	563.559.147	563.559.147	569.759.147	569.759.147
- Quá hạn thanh toán trên 3 năm	20.875.549.409		20.875.549.409	-
Công ty TNHH Du Lịch Mai Linh	10.652.024.788	1.117.878.479	10.637.024.788	1.102.878.479
- Chưa quá hạn hoặc quá hạn dưới 6 tháng	1.117.878.479	1.117.878.479	1.102.878.479	1.102.878.479
- Quá hạn thanh toán trên 3 năm	9.534.146.309		9.534.146.309	-
Công ty TNHH Deluxe Taxi	4.983.833.034	-	4.983.833.034	-
- Quá hạn thanh toán trên 3 năm	4.983.833.034		4.983.833.034	-
Đối tượng khác	3.715.965.778	15.887.919	6.334.382.305	591.417.938
	40.790.932.156	1.697.325.545	43.400.548.683	2.264.055.564

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty trích lập dự phòng cho các khoản nợ xấu căn cứ theo quy định của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Giá trị có thể thu hồi của các khoản nợ xấu được xác định bằng giá gốc của các khoản công nợ trừ đi giá trị dự phòng.

10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên vật liệu	5.779.187.340	(139.574.137)	6.090.433.459	(139.574.137)
Công cụ dụng cụ	81.367.118	-	464.637.791	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	220.437.238	-	62.413.863	-
Thành phẩm	1.034.654.650	-	897.467.965	-
Hàng hóa	112.157.325	-	252.611.353	-
Hàng gửi bán	25.229.795	-	389.064.677	-
	7.253.033.466	(139.574.137)	8.156.629.108	(139.574.137)

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Bảo hiểm rủi ro tài sản	6.153.415.185	9.155.595.345
Chi phí trả trước công cụ dụng cụ	1.724.732.577	1.086.392.889
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	2.904.199.546	4.870.835.944
	10.782.347.308	15.112.824.178
b. Dài hạn		
Chi phí thuê nhãn hiệu	13.937.214.494	16.934.848.482
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ, công cụ dụng cụ	4.411.262.525	6.475.855.756
Chi phí trả trước dài hạn khác	3.871.347.564	7.093.793.574
	22.219.824.583	30.504.497.812

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỄN BẮC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

NGUỒN GIÁ	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Xe hợp tác kinh doanh	Thiết bị văn phòng	Khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
SỐ DƯ ĐẦU NĂM	71.759.934.652	2.622.969.958	1.091.421.431.716	1.174.203.898.315	2.402.224.228	1.098.695.114	2.343.509.153.983
Mua sắm mới	393.849.867	-	139.537.085.761	1.704.609.091	162.640.500	-	141.798.185.219
Nhận tài sản sau khi chia, tách (i)	-	40.267.500	56.142.872.713	57.215.171.672	-	-	113.398.311.885
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	11.352.260.539	-	-	-	11.352.260.539
Phân loại lại tài sản cố định	(306.840.000)	10.300.000	(6.442.583.874)	6.442.583.874	296.540.000	-	-
Giảm tài sản sau khi chia, tách (i)	(3.274.098.726)	(40.267.500)	(58.488.870.970)	(71.417.986.101)	-	-	(133.221.223.297)
Chuyển sang xe hợp tác kinh doanh	-	-	(222.287.671.098)	222.287.671.098	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	(61.002.000)	(40.267.500)	(37.041.193.159)	(205.536.622.560)	-	-	(242.679.085.219)
Giảm do thoái vốn	(31.729.078.516)	(1.463.683.697)	(190.244.754.898)	(114.016.369.106)	(228.836.062)	-	(337.682.722.279)
Số dư cuối năm	36.782.765.277	1.129.318.761	783.948.576.730	1.070.882.956.283	2.632.568.666	1.098.695.114	1.896.474.880.831
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	14.798.632.654	2.325.244.048	275.990.667.954	752.845.544.279	2.270.810.066	818.089.963	1.049.048.988.964
SỐ DƯ ĐẦU NĂM	-	40.267.500	18.222.554.041	47.509.400.822	-	-	65.772.222.363
Nhận tài sản sau khi chia, tách (i)	-	-	-	-	-	-	-
Trích khấu hao trong năm	1.366.920.370	9.698.316	142.714.989.926	144.253.207.071	119.388.090	186.037.066	288.650.240.839
Phân loại lại tài sản cố định	(225.511.104)	(40.934.295)	(14.883.560.495)	14.874.118.287	275.887.607	-	-
Giảm tài sản sau khi chia, tách (i)	(1.032.800.425)	(40.267.500)	(12.119.366.447)	(54.372.281.758)	-	-	(67.564.716.130)
Chuyển sang xe hợp tác kinh doanh	-	-	(55.644.076.640)	55.644.076.640	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	(44.057.000)	(40.267.500)	(25.243.421.735)	(179.018.647.207)	-	-	(204.346.393.442)
Giảm do thoái vốn	(4.593.249.748)	(1.206.071.822)	(50.776.066.362)	(92.663.200.576)	(228.836.062)	-	(149.467.424.570)
Số dư cuối năm	10.269.934.747	1.047.668.747	278.261.720.242	689.072.217.558	2.437.249.701	1.004.127.029	982.092.918.024
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	56.961.301.998	297.725.910	815.430.763.762	421.358.354.036	131.414.162	280.605.151	1.294.460.165.019
Tại ngày đầu năm	26.512.830.530	81.650.014	505.686.856.488	381.810.738.725	195.318.965	94.568.085	914.381.962.807
Tại ngày cuối năm							

(i) Trong năm 2017, khi tách khỏi Công ty Cổ phần Mai Linh Hạ Long (doanh nghiệp cũ), Công ty Cổ phần Mai Linh Quảng Ninh tiếp nhận toàn bộ tài sản của doanh nghiệp cũ tương ứng 150.000 cổ phần của doanh nghiệp cũ. Do đó, toàn bộ số dư tài sản của doanh nghiệp cũ trước khi tách doanh nghiệp được ghi nhận là số phát sinh trong năm của doanh nghiệp mới.

Như trình bày tại Thuyết minh số 22, Công ty đã thế chấp phương tiện vận tải và xe hợp tác kinh doanh với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 673.553.399.845 VND (31 tháng 12 năm 2016: 917.306.770.730 VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 126.580.658.398 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 64.037.206.601 VND).

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Phương tiện vận tải VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu năm	18.718.318.170
Thuê tài chính trong năm	6.988.712.724
Số dư cuối năm	25.707.030.894
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số dư đầu năm	1.279.085.112
Trích khấu hao trong năm	4.093.242.951
Số dư cuối năm	5.372.328.063
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày đầu năm	17.439.233.058
Tại ngày cuối năm	20.334.702.831

14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ CHO THUÊ

	Nhà xưởng và quyền sử dụng đất VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu năm	198.313.019.200
Số dư cuối năm	198.313.019.200
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số dư đầu năm	23.797.562.329
Trích khấu hao trong năm	4.013.372.824
Số dư cuối năm	27.810.935.153
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày đầu năm	174.515.456.871
Tại ngày cuối năm	170.502.084.047

Công ty đã thế chấp bất động sản đầu tư với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 170.502.084.047 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 174.515.456.871 VND) để đảm bảo cho khoản tiền vay ngân hàng.

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - *Bất động sản đầu tư*, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

Danh mục chi tiết bất động sản đầu tư

	Giá trị còn lại	
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Nhà xưởng và quyền sử dụng đất tại số 1026 Tạ Quang Bửu, TP. Hồ Chí Minh	55.682.951.491	56.977.904.875
Nhà xưởng và quyền sử dụng đất tại An Lạc, TP. Hồ Chí Minh	114.819.132.556	117.537.551.996
	170.502.084.047	174.515.456.871

15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên	Tỉnh Khánh Hòa	29,48%	36,37%	Dịch vụ taxi

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty trình bày giá trị khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, là công ty liên kết của Công ty với số tiền 38.511.628.581 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 38.511.628.581 VND) trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư với số tiền là 40.488.371.419 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 40.488.371.419 VND) dựa trên báo cáo tài chính riêng chưa được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.

Tại ngày phát hành báo cáo, Công ty chưa thu thập được báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017. Do đó, Công ty chưa xác định được giá trị cần điều chỉnh nếu có cho khoản đầu tư nêu trên.

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và công ty liên kết trong năm được trình bày tại Thuyết minh số 36 - Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan.

16. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu năm	65.196.565.000
Giảm do bán Công ty con	(2.749.782.277)
Số dư cuối năm	62.446.782.723
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số dư đầu năm	59.914.024.824
Trích khấu hao trong năm	4.386.438.681
Giảm do bán Công ty con	(2.477.007.331)
Số dư cuối năm	61.823.456.174
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày đầu năm	5.282.540.176
Tại ngày cuối năm	623.326.549

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Ô tô Thành Công Đông Anh	-	8.198.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ số Toàn Cầu	4.331.036.278	2.721.832.028
Công ty Liên doanh Toyota Giải Phóng	1.350.000.000	9.400.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh	13.686.976.263	-
Công ty TNHH Thương Mại Mai Linh	5.712.000.000	-
Tổng Công ty Xây dựng Thanh Hoá	-	1.022.903.000
Khác	21.262.158.019	32.734.526.772
	46.342.170.560	54.077.261.800
Trong đó		
Các khoản phải trả người bán là các bên liên quan (Thuyết minh số 36)	21.848.143.315	1.900.000.000

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm VND	Số phải nộp/thu trong năm VND	Số đã thực nộp/ thu trong năm VND	Tăng/ (giảm) khác VND	Số cuối năm VND
a. Các khoản phải thu					
Thuế thu nhập doanh nghiệp	962.006.914	-	914.465.075	-	47.541.839
Các loại thuế khác	29.092.660	-	29.092.660	-	-
Cộng	991.099.574	-	943.557.735		47.541.839
b. Các khoản phải nộp					
Thuế giá trị gia tăng	8.921.060.049	115.770.471.640	108.337.287.608	(1.008.446.018)	15.345.798.063
- Thuế GTGT đầu ra	8.921.060.049	115.770.471.640	108.337.287.608	(1.008.446.018)	15.345.798.063
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.122.470.216	12.183.696.598	11.425.813.338	(547.562.857)	7.332.790.619
Tiền thuê đất	-	120.377.946	120.377.946	-	-
Các loại thuế khác	1.083.954.533	6.492.177.328	6.045.368.135	(4.900.605)	1.525.863.121
Thuế môn bài	-	38.000.000	38.000.000	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	826.151.319	3.557.196.905	2.939.105.773	(4.900.605)	1.439.341.846
Thuế khác	257.803.214	2.896.980.423	3.068.262.362	-	86.521.275
Các khoản phải nộp khác	487.500.000	378.000.000	865.500.000	-	-
Các khoản phí, lệ phí	487.500.000	378.000.000	865.500.000	-	-
Cộng	17.614.984.798	134.944.723.512	126.794.347.027	(1.560.909.480)	24.204.451.803

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Lãi vay phải trả	5.378.356.760	3.863.364.374
Trích trước chi phí tiền lương	3.834.310.374	5.626.127.099
Các khoản khác	816.246.134	2.413.739.140
	10.028.913.268	11.903.230.613
b. Dài hạn		
Lãi vay phải trả	-	338.191.477
	-	338.191.477

20. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Ngắn hạn		
Phải trả các đơn vị khác trong Tập đoàn	7.757.758.571	9.407.134.227
Các khoản thu chi hộ Hợp đồng hợp tác kinh doanh	33.475.265.300	31.651.957.684
Phải trả cổ tức	19.496.062.415	10.533.552.175
Quỹ hỗ trợ tai nạn, tiếp thị, rửa xe	23.368.210.773	29.020.561.474
Phải trả khác cán bộ, nhân viên	1.601.378.312	1.349.437.045
Phải trả thẻ MCC	7.889.517.263	6.375.174.601
Nhà thầu cung cấp cho TeLin Vạn Hương	1.794.802.854	1.794.802.854
Bảo hiểm xã hội, y tế	5.993.280.054	5.231.035.562
Khác	50.584.373.239	42.610.509.225
	151.960.648.781	137.974.164.847
b) Dài hạn		
Góp vốn xe hợp tác kinh doanh (i)	747.274.884.739	829.536.944.563
Khách hàng đặt cọc mở thẻ MCC, thuê xe	18.037.511.323	17.878.013.256
Đặt cọc của lái xe	54.466.974.310	55.012.209.657
	819.779.370.372	902.427.167.476
Trong đó:		
Các khoản phải trả khác là các bên liên quan (Thuyết minh số 36)	8.035.314.040	9.407.134.227

- (i) Phản ánh số tiền nhận góp vốn dài hạn từ bên tham gia hợp tác kinh doanh để cùng thực hiện hoạt động kinh doanh dịch vụ taxi trên xe hợp tác kinh doanh. Số tiền này sẽ được trừ dần với phí sử dụng tài sản theo quy định trên hợp đồng hợp tác kinh doanh.

**CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN/HN

21. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Chỉ tiêu	Số đầu năm		Phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn (i)	18.897.160.594	18.897.160.594	14.951.382.890	15.878.894.000	17.969.649.484	17.969.649.484
Nợ dài hạn ngắn hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 22)	194.135.853.479	194.135.853.479	137.810.066.184	195.928.288.479	136.017.631.184	136.017.631.184
Nợ dài hạn cá nhân đến hạn trả (xem Thuyết minh số 22)	45.894.881.560	45.894.881.560	21.277.277.522	22.924.018.546	44.248.140.536	44.248.140.536
Nợ thuế tài chính dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 22)	2.941.200.000	2.941.200.000	3.556.400.000	3.623.600.000	2.874.000.000	2.874.000.000
	261.869.095.633	261.869.095.633	177.595.126.596	238.354.801.025	201.109.421.204	201.109.421.204

(i) Vay ngắn hạn bao gồm vay ngắn hạn ngân hàng và vay ngắn hạn cá nhân, trong đó:

Các khoản vay ngắn hạn ngân hàng có thời hạn vay từ 6 đến 12 tháng, lãi suất dao động theo từng ngân hàng, thả nổi có điều chỉnh hoặc thay đổi theo từng lần rút vốn. Khoản vay dùng để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.

Các khoản vay ngắn hạn cá nhân có thời hạn vay dưới 12 tháng, lãi suất từ 0,62% đến 1,083%/tháng (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 0,62% đến 1,083%/tháng), không có tài sản đảm bảo.

CÔNG TY CỔ PHẦN MẠI LĨNH MIỄN BẮC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

22. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Chi tiêu	Số đầu năm		Phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
		VND		VND		VND
Vay dài hạn ngân hàng (*)	483.841.116.348	483.841.116.348	66.521.914.814	282.260.631.897	268.102.399.265	268.102.399.265
Vay dài hạn cá nhân (**)	75.872.755.961	75.872.755.961	4.513.575.439	30.259.286.353	50.127.045.047	50.127.045.047
Nợ thuê tài chính dài hạn (***)	13.479.600.000	13.479.600.000	6.081.552.016	3.868.700.016	15.692.452.000	15.692.452.000
Cộng	573.193.472.309	573.193.472.309	77.117.042.269	316.388.618.266	333.921.896.312	333.921.896.312
Trong đó:						
Số phải trả trong vòng 12 tháng	242.971.935.039				183.139.771.720	
Số phải trả sau 12 tháng	330.221.537.270				150.782.124.592	

(*) Thông tin chi tiết các khoản vay dài hạn ngân hàng của Công ty như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Vay dài hạn		
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng (i)	9.250.500.000	15.897.733.321
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch 1	4.287.076.681	8.732.338.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm (ii)	31.526.260.522	54.553.124.522
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Vinh	-	41.339.205.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Vinh	-	14.885.250.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An	-	17.589.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tĩnh	-	10.037.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hùng Vương	7.064.000.000	11.186.240.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình (iii)	18.835.000.000	27.410.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa (iv)	14.923.777.778	22.274.675.695
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa (v)	19.331.000.000	32.379.000.000
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hải Phòng (vi)	10.260.972.000	17.464.720.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương (vii)	10.911.500.000	15.925.500.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Giang (viii)	8.514.750.000	9.550.749.996
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Ninh (ix)	23.804.500.000	22.652.875.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương (x)	3.742.000.000	8.240.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ninh Bình	-	12.233.750.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Định (xi)	10.384.500.000	18.561.500.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh	7.250.250.000	8.628.250.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên	-	9.534.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Phúc	11.981.750.000	8.740.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Thái Bình (xii)	7.246.700.000	9.695.900.000
Khác (xiii)	68.787.862.284	86.330.304.814
	268.102.399.265	483.841.116.348

Các khoản vay ngân hàng cho mục đích mua tài sản cố định và được thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Cụ thể các khoản vay trọng yếu như sau:

- (i) Các khoản vay từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng bao gồm nhiều hợp đồng vay có thời hạn từ 48 đến 51 tháng. Khoản vay chịu lãi suất thả nổi và được điều chỉnh 3 tháng/lần vào ngày làm việc đầu tiên của quý, tính theo công thức lãi suất huy động tiết kiệm dân cư VND kỳ hạn 12 tháng, trả lãi sau của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng cộng biên độ 4%/năm. Lãi được trả cùng với lịch trả nợ gốc. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay là ô tô để thế chấp cho khoản vay này.
- (ii) Các khoản vay từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm bao gồm nhiều hợp đồng vay có thời hạn từ 48 đến 54 tháng. Khoản vay chịu lãi suất thả nổi, điều chỉnh 3 tháng 1 lần theo lãi suất cho vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và được trả hàng tháng. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay là ô tô để thế chấp cho khoản vay này. Gốc vay này sẽ được trả hàng tháng kể từ ngày giải ngân.
- (iii) Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình gồm nhiều hợp đồng vay có thời hạn từ 48 đến 60 tháng kể từ ngày Bên vay rút khoản vốn đầu tiên. Lãi suất theo quy định của Ngân hàng tại từng thời điểm rút vốn và được điều chỉnh vào ngày làm việc đầu tiên mỗi quý trong năm khi có biến động lãi suất trên thị trường theo thông báo lãi suất của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay là ô tô để thế chấp cho khoản vay này.
- (iv) Các khoản vay từ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa bao gồm nhiều hợp đồng vay có thời hạn từ 36 đến 60 tháng. Khoản vay chịu lãi suất thả nổi và được điều chỉnh 3 tháng/lần. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay là ô tô để thế chấp cho khoản vay này.
- (v) Khoản vay từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa bao gồm nhiều hợp đồng vay có thời hạn 36 tháng kể từ ngày Bên vay rút khoản vốn đầu tiên. Khoản vay chịu lãi suất thả nổi, điều chỉnh 3 tháng 1 lần. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay là ô tô để thế chấp cho khoản vay này.
- (vi) Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hải Phòng gồm nhiều hợp đồng vay có thời hạn 48 tháng kể từ ngày Bên vay rút khoản vốn đầu tiên. Lãi suất theo quy định của Ngân hàng tại từng thời điểm rút vốn và được điều chỉnh vào ngày làm việc đầu tiên mỗi quý trong năm khi có biến động lãi suất trên thị trường theo thông báo lãi suất của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay là ô tô để thế chấp cho khoản vay này.
- (vii) Các khoản vay từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh Hải Dương bao gồm nhiều hợp đồng vay có thời hạn 48 tháng. Khoản vay chịu lãi suất thả nổi theo quy định của Ngân hàng theo từng thời kỳ và được trả hàng tháng. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay là ô tô để thế chấp cho khoản vay này. Gốc vay này được trả 1 tháng một lần kể từ ngày giải ngân.
- (viii) Các khoản vay dài hạn từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương - Chi nhánh Bắc Giang gồm các hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư phát triển, thời hạn cấp tín dụng tối đa 39 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên, thời gian ân hạn là 03 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên, gốc được trả 03 tháng/kỳ, lãi được trả hàng tháng. Mục đích sử dụng khoản vay là để thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ, hợp pháp để đầu tư dự án: Đầu tư mở rộng chất lượng dịch vụ kinh doanh vận tải hành khách bằng taxi theo Biên bản họp số 05/2013/HĐQT-ML.NE ngày 05 tháng 6 năm 2013 do Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Bắc phê duyệt. Tài sản đảm bảo của khoản vay là toàn bộ tài sản là ô tô được hình thành từ vốn vay, vốn tự có và các nguồn vốn khác (nếu có) thuộc dự án. Như đã trình bày tại Thuyết minh số 12, Công ty đã thế chấp phương tiện vận tải và xe hợp tác kinh doanh để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

- (ix) Các khoản vay từ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Ninh bao gồm nhiều hợp đồng vay có thời hạn từ 46 tháng đến 48 tháng. Khoản vay chịu lãi suất thả nổi và được điều chỉnh 3 tháng/lần và được trả hàng tháng. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay là ô tô để thế chấp cho khoản vay này. Gốc vay này được trả 3 tháng một lần kể từ ngày giải ngân.
- (x) Các khoản vay từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh Hải Dương bao gồm nhiều hợp đồng vay có thời hạn 48 tháng. Khoản vay chịu lãi suất thả nổi theo quy định của Ngân hàng theo từng thời kỳ và được trả hàng tháng. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay là ô tô để thế chấp cho khoản vay này. Gốc vay này được trả 1 tháng một lần kể từ ngày giải ngân.
- (xi) Các khoản vay từ ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam- chi nhánh Nam Định gồm nhiều khoản vay có thời hạn 48 tháng kể từ ngày vay. Lãi suất 8,5%/năm và được tính theo lãi suất huy động 12 tháng trả sau + 3,6%/năm từ năm thứ 3 trở đi. Gốc được trả 1 tháng 1 lần kể từ ngày giải ngân. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay là ô tô để thế chấp cho khoản vay này.
- (xii) Khoản vay từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình gồm nhiều hợp đồng vay có thời hạn từ 48 đến 60 tháng kể từ ngày Bên vay rút khoản vốn đầu tiên. Lãi suất theo quy định của Ngân hàng tại từng thời điểm rút vốn và được điều chỉnh vào ngày làm việc đầu tiên mỗi quý trong năm khi có biến động lãi suất trên thị trường theo thông báo lãi suất của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay là ô tô để thế chấp cho khoản vay này.
- (xiii) Các khoản vay khác có thời hạn từ 26 đến 60 tháng, lãi suất dao động theo từng ngân hàng, thả nổi có điều chỉnh hoặc thay đổi theo từng lần rút vốn. Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay là ô tô để thế chấp cho những khoản vay này.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	136.017.631.184	194.135.853.479
Trong năm thứ hai	91.513.701.222	172.154.455.752
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	40.571.066.859	117.550.807.117
	268.102.399.265	483.841.116.348
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	136.017.631.184	194.135.853.479
Số phải trả sau 12 tháng	132.084.768.081	289.705.262.869

(**) Các khoản vay cá nhân có thời hạn từ 13 đến 24 tháng, tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, lãi suất từ 0,7%/tháng đến 0,84%/tháng (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 0,7%/tháng đến 0,84%/tháng), không có tài sản đảm bảo.

Các khoản vay cá nhân dài hạn khác được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	44.248.140.536	45.894.881.560
Trong năm thứ hai	5.878.904.511	29.977.874.401
	50.127.045.047	75.872.755.961
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	44.248.140.536	45.894.881.560
Số phải trả sau 12 tháng	5.878.904.511	29.977.874.401

(***) Thông tin chi tiết các khoản nợ dài hạn thuê tài chính của Công ty như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (a)	15.692.452.000	13.479.600.000
	15.692.452.000	13.479.600.000

(a) Các khoản nợ thuê tài chính tại Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam như sau:

- Khoản nợ dài hạn thuê tài chính tại Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam theo Hợp đồng số 01.014/2017/TSC-CTTC từ ngày 06 tháng 3 năm 2017 đến ngày 06 tháng 3 năm 2021 có thời hạn 48 tháng với tổng hạn mức 7.738.020.000 VND. Khoản vay chịu lãi suất huy động vốn đối với cá nhân của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau cộng biên độ 3,5%/năm, lãi suất được điều chỉnh định kỳ 3 tháng 1 lần. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, khoản nợ dài hạn thuê tài chính này có dư nợ gốc vay là 5.154.052.000 VND và chịu lãi suất 10,5%/năm.
- Khoản nợ dài hạn thuê tài chính tại Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam theo Hợp đồng số 01.035/2016/TSC-CTTC từ ngày 24 tháng 6 năm 2016 đến ngày 24 tháng 6 năm 2021 có thời hạn 60 tháng với tổng hạn mức 20.265.000.000 VND. Khoản vay chịu lãi suất cho thuê cơ bản VND do Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam công bố cộng biên độ 3,5%/năm, lãi suất được điều chỉnh định kỳ 6 tháng 1 lần. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, khoản nợ dài hạn thuê tài chính này có dư nợ gốc vay là 10.538.400.000 VND và chịu lãi suất 10,3%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 13.479.600.000 VND và 11%/năm).

Các khoản nợ dài hạn thuê tài chính được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu	
	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Các khoản phải trả do thuê tài chính		
Trong vòng một năm	2.874.000.000	2.941.200.000
Trong năm thứ hai	4.531.200.000	2.941.200.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	8.287.252.000	7.597.200.000
	15.692.452.000	13.479.600.000
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	2.874.000.000	2.941.200.000
Số phải trả sau 12 tháng	12.818.452.000	10.538.400.000

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu:

	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	486.253.320.000	(12.600.000.000)	32.800.676.811	44.274.481.407	9.679.007.785	560.407.486.003
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	23.237.449.976	2.098.943.996	25.336.393.972
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(3.000.000.000)	-	(3.000.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	(23.682.666.000)	(1.695.416.834)	(25.378.082.834)
Khác	-	-	(323.000.650)	134.884.216	(72.999.350)	(261.115.784)
Số dư đầu năm nay	486.253.320.000	(12.600.000.000)	32.477.676.161	40.964.149.599	10.009.535.597	557.104.681.357
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	39.560.551.522	1.644.856.968	41.205.408.490
Giảm do thoái vốn	-	-	(2.059.954.348)	(4.351.081.288)	7.351.716.583	940.680.947
Trích lập các quỹ (i)	-	-	11.246.123.169	(11.370.550.904)	(13.518.600)	(137.946.335)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	-	-	(2.746.710.229)	(26.783.207)	(2.773.493.436)
Trích khen thưởng vượt kế hoạch	-	-	-	(1.523.717.407)	-	(1.523.717.407)
Chia cổ tức (i)	-	-	-	(27.079.752.080)	(1.339.447.120)	(28.419.199.200)
Số dư cuối năm nay	486.253.320.000	(12.600.000.000)	41.663.844.982	33.452.889.213	17.626.360.221	566.396.414.416

(i) Trích lập các quỹ và chia cổ tức theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 16 tháng 4 năm 2017 và 31 tháng 12 năm 2017 về phương án phân bổ quỹ và phân phối lợi nhuận năm 2017 của Công ty và các công ty con.

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cổ phiếu		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+) Cổ phiếu phổ thông	48.625.332	48.625.332
Số lượng cổ phiếu quỹ		
+) Cổ phiếu phổ thông	1.260.000	1.260.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+) Cổ phiếu phổ thông	47.365.332	47.365.332
Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.		

Vốn góp của chủ sở hữu:

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 12 ngày 28 tháng 4 năm 2014, vốn điều lệ của Công ty là 486.253.320.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ.

Nghị quyết số 01/2014/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16 tháng 4 năm 2014 của Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Bắc đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ trong năm 2014. Tổng số lượng cổ phiếu dự định phát hành là 20.000.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 VND. Vốn điều lệ dự kiến sau khi phát hành là 686.253.320.000 VND. Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty chưa thực hiện phát hành thêm cổ phiếu.

24. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Ngoại tệ các loại		
<i>Đô la Mỹ (USD)</i>	203	100
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Nợ khó đòi đã xử lý (i)	211.850.533	211.850.533
<i>Công ty Cổ phần Thương mại và Sản xuất</i>		
<i>Nhôm Yeh Young Việt Nam</i>	112.077.820	112.077.820
<i>Công ty Cổ phần Truyền thông Việt Linh</i>	69.511.470	69.511.470
<i>Ông Tô Thường</i>	29.712.000	29.712.000
<i>Ông Võ Tuấn Dũng</i>	549.243	549.243
	211.850.533	211.850.533

- (i) Các khoản nợ khó đòi đã xử lý theo phê duyệt của Ban Tổng Giám đốc do các đối tượng nêu trên không có thông tin liên lạc.

25. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu dịch vụ taxi	861.500.603.180	899.555.268.956
Doanh thu dịch vụ xe cho thuê	8.365.930.564	31.138.358.661
Doanh thu dịch vụ sửa chữa	21.095.534.669	22.270.284.650
Doanh thu nhượng bán tài sản, vật tư	19.074.601.364	26.269.740.686
Doanh thu cho thuê tài sản	91.602.976.320	62.997.037.769
Doanh thu dịch vụ khác	37.345.663.361	77.741.829.211
	1.038.985.309.458	1.119.972.519.933
Trong đó:		
Doanh thu phát sinh trong năm với các bên liên quan (Thuyết minh số 36)	189.827.137.223	228.154.923.351

26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn dịch vụ taxi	779.287.214.803	846.610.377.709
Giá vốn dịch vụ xe cho thuê	8.203.284.733	25.082.731.782
Giá vốn dịch vụ sửa chữa	17.625.495.871	13.696.623.508
Giá vốn nhượng bán tài sản, vật tư	16.990.010.925	23.906.794.541
Giá vốn cho thuê tài sản	70.423.472.004	47.644.046.322
Giá vốn dịch vụ khác	21.929.011.327	55.873.599.960
	914.458.489.663	1.012.814.173.822

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	185.345.796.190	185.646.951.797
Chi phí nhân công	381.806.332.272	440.983.105.639
Chi phí khấu hao tài sản cố định, bất động sản đầu tư và chi phí lợi thế thương mại	323.390.586.386	347.833.526.722
Chi phí dịch vụ mua ngoài	99.018.798.505	67.763.633.799
Chi phí khác bằng tiền	49.821.390.950	57.628.743.189
Chi phí dự phòng	(620.615.310)	187.539.860
	1.038.762.288.993	1.100.043.501.006

28. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.095.675.911	4.478.834.681
Lãi thanh lý khoản đầu tư	1.774.000.000	-
Khác	10.354.022.437	12.905.884.875
	15.223.698.348	17.384.719.556

29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay, thuê tài chính	46.694.459.172	57.932.838.525
Lỗ thanh lý các khoản đầu tư	4.123.988.541	-
Khác	1.412.252.149	37.291.908
	52.230.699.862	57.970.130.433

30. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm nay VND	Năm trước VND
Phí nhãn hiệu (i)	26.103.402.524	3.455.283.825
Chi phí quảng cáo, tiếp thị	1.215.970.754	4.139.181.379
Chi phí nhân công	7.699.417.801	5.967.631.865
Phí thu hồi công nợ	471.032.303	-
Các khoản khác	14.894.284.452	7.527.778.605
	50.384.107.834	21.089.875.674

(i) Chi phí nhãn hiệu phải trả Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh.

31. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân công	53.956.729.713	54.884.766.474
Chi phí lợi thế thương mại	4.386.438.681	5.013.972.392
Chi phí thuê nhà, mặt bằng	2.789.505.852	4.045.210.934
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	(620.615.310)	47.965.723
Các khoản khác	30.397.643.485	26.054.330.528
	90.909.702.421	90.046.246.051

32. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	32.006.926.895	32.006.926.895
- <i>Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định</i>	70.339.618.672	94.976.003.717
- <i>Giá trị còn lại của TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ</i>	38.332.691.777	62.969.076.822
Thu phí quản lý từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	4.983.624.871	4.105.778.066
Các khoản khác	78.603.095.868	49.467.503.943
	115.593.647.634	85.580.208.904

33. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Khấu hao bất động sản đầu tư	4.383.285.683	3.966.260.388
Các khoản khác	4.161.606.750	3.078.368.369
	8.544.892.433	7.044.628.757

34. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện tại	12.111.637.764	9.480.468.342
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	72.058.834	45.571.584
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	12.183.696.598	9.526.039.926
	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	53.274.763.227	33.972.393.656
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	7.283.425.593	13.429.948.054
<i>Lỗ tại các công ty con</i>	-	950.415.995
<i>Lợi thế thương mại phân bổ trong năm</i>	4.386.438.681	5.013.972.392
<i>Các khoản chênh lệch tạm thời</i>	571.709.304	4.212.539.154
<i>Lỗ thanh lý các công ty con</i>	916.251.315	-
Các chi phí không được trừ	2.482.794.884	3.253.020.513
<i>Chuyển lỗ</i>	<i>(1.073.768.591)</i>	-
Thu nhập chịu thuế	60.558.188.820	47.402.341.710
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm	12.111.637.764	9.480.468.342
Truy thu thuế TNDN năm trước	72.058.834	45.571.584
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	12.183.696.598	9.526.039.926
Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại	(114.341.861)	(890.040.242)
	12.069.354.737	8.635.999.684

35. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	39.560.551.522	23.237.449.976
-Trích quỹ Khen thưởng phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (VND)	(4.397.423.327)	(2.583.000.000)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	35.163.128.195	20.654.449.976
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (Cổ phần)	47.365.332	47.365.332
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	742	436

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014, hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp dẫn đến việc điều chỉnh hồi tố lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 do ảnh hưởng của việc loại trừ số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và khen thưởng ban điều hành từ lợi nhuận sau thuế khi tính lãi cơ bản trên cổ phiếu. Do vậy, lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được xác định lại là 436 VND (số đã trình bày trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 491 VND).

36. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh	Chủ sở hữu
Công ty TNHH Nước khoáng Mai Linh	Cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Nam	Cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Vận tải Tốc hành Mai Linh	Cùng tập đoàn
Công ty TNHH Tập đoàn Mai Linh Đông Nam Bộ	Cùng tập đoàn
Công ty TNHH Deluxe Taxi	Cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Mai Linh Gia Định	Cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung	Cùng tập đoàn
Công ty TNHH Du lịch Mai Linh	Cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Mai Linh Tiền Giang	Cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Mai Linh Lào Cai	Cùng tập đoàn
Công ty TNHH Mai Linh Nha Trang	Cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Mai Linh Cà Mau	Cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Mai Linh Tây Nam Bộ	Cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Hành khách Mai Linh	Cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Mai Linh	Cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Mai Linh online	Cùng tập đoàn
Nhóm công ty đồng chủ tịch (là những công ty do ông Hồ Huy, Hồ Chương làm chủ tịch, nhưng không thuộc đơn vị thành viên của Tập đoàn)	Cùng chủ sở hữu

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	189.827.137.223	228.154.923.351
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh	189.827.137.223	228.102.946.714
Công ty Cổ phần Vận tải tốc hành Mai Linh	-	2.575.365
Công ty Cổ phần Mai Linh Gia Định	-	41.337.636
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung	-	2.154.545
Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Hành khách Mai Linh	-	5.909.091
Giá trị hàng mua và dịch vụ cung cấp	207.146.280.051	61.772.175.095
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh	194.117.189.142	58.106.033.200
Công ty TNHH Thương mại Mai Linh	2.756.363.636	-
Công ty cổ phần TM và Đầu Tư H.H&T	10.272.727.273	3.545.454.550
Công Ty Cổ phần TM DV Thiết Kế và In Bao Bì Năng Động	-	116.001.981
Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Hành khách Mai Linh	-	4.685.364
Doanh thu tài chính	1.317.300.000	768.300.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh	275.100.000	-
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Nam	491.400.000	491.400.000
Công ty Cổ phần Vận tải Tốc hành Mai Linh	252.000.000	252.000.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hồ Huy	298.800.000	24.900.000

Thu nhập và các khoản vay của Ban Tổng Giám đốc:

Thu nhập Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc	5.216.248.895	4.416.728.794
	5.216.248.895	4.416.728.794

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN BẮC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu khách hàng	20.718.602.255	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh	20.718.602.255	-
Phải thu khác	487.221.233.852	398.976.134.054
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh	372.781.195.451	333.124.084.880
Công ty Cổ phần Vận tải tốc hành Mai Linh	21.691.108.556	21.445.308.556
Công ty TNHH Du lịch Mai Linh	10.637.024.788	10.637.024.788
Công ty TNHH Deluxe Taxi	4.983.833.034	4.983.833.034
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Nam	26.007.620.243	25.516.220.243
Công ty TNHH MTV Mai Linh Tiền Giang	1.138.016.129	1.138.016.129
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên	793.035.651	793.035.651
Công ty TNHH MTV Đầu Tư Hồ Huy	896.400.000	607.600.000
Công ty TNHH Nước khoáng Mai Linh	-	374.736.581
Công ty TNHH MTV Mai Linh Cà Mau	-	192.774.192
Công ty TNHH MTV Mai Linh Tây Nam Bộ	-	163.500.000
Ông Hồ Chương	40.800.000.000	-
Ông Hồ Huy	7.493.000.000	-
Cho vay ngắn hạn	9.800.000.000	14.650.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh	150.000.000	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Nam	3.150.000.000	3.150.000.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hồ Huy	3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải Tốc hành Mai Linh	3.500.000.000	3.500.000.000
Cho vay dài hạn	48.215.000.000	48.215.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh	48.215.000.000	48.215.000.000
Phải trả người bán ngắn hạn	21.848.143.315	1.900.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh	13.686.976.263	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư H.H&T	2.400.000.000	1.900.000.000
Công ty TNHH Thương Mại Mai Linh	5.712.000.000	-
Công ty TNHH Dệt May Hạnh Linh	44.808.500	-
Công ty Cổ phần Mai Linh Online	4.358.552	-

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải trả khác	8.035.314.040	9.407.134.227
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh	7.724.524.921	6.594.397.744
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư H.H&T	-	2.427.272.730
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Mai Linh	-	149.202.038
Công ty TNHH Dệt may Hạnh Linh	29.767.650	130.711.350
Công ty TNHH Mai Linh Nha Trang	-	52.892.500
Công ty TNHH MTV Mai Linh Lào Cai	-	52.657.865
Công Ty Cổ phần TM DV Thiết Kế và In Bao Bì Năng Động	3.466.000	-
Ông Hồ Chương	277.555.469	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	1.920.000.000	1.920.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Đô Thị Mai Linh Thăng Long	1.920.000.000	1.920.000.000

37. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu trong năm không bao gồm 27.079.752.080 VND, là số cổ tức đã được bù trừ công nợ trong năm (năm 2016: 27.884.589.000 VND). Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 6.780.000.000 VND (năm 2016: 22.547.629.668 VND), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.



Nguyễn Thị Thủy
Người lập biểu


Nguyễn Thị Trường Anh
Kế toán trưởng


Hồ Quốc Phi
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 09 tháng 4 năm 2018